

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 11 và chương trình công tác tháng 12 năm 2016

Trong tháng 11, tình hình sản xuất nông nghiệp có một số thuận lợi cơ bản như: Các loại dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi tiếp tục được kiểm soát; giá cả một số mặt hàng nông sản tương đối ổn định và tăng hơn so với cùng kỳ; công tác tư vấn và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật đã giúp nông dân áp dụng vào sản xuất giúp tăng năng suất và sản lượng nông sản; các chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tiếp tục được triển khai thực hiện. Tuy nhiên, mưa nhiều nên phần nào hạn chế việc xuống giống của một số cây màu, giá cá lóc trong thời gian gần đây giảm ở mức thấp người sản xuất không có lãi, tình hình thiệt hại trên tôm sú, tôm thẻ chân trắng vẫn xảy ra ở một số nơi nhưng được quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự hỗ trợ của các ngành, các cấp và với sự nỗ lực vượt khó của người dân nên sản xuất nông nghiệp của tỉnh tiếp tục phát triển, đạt được kết quả cụ thể như sau:

#### I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

##### 1. Về sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn:

###### a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật:

- Cây lúa:

+ Vụ Hè thu: Thu hoạch 6.574 ha, nâng tổng diện tích thu hoạch dứt điểm 76.630 ha, đạt 98,6% diện tích xuống giống (thiệt hại do bệnh đạo ôn 1.089 ha), năng suất trung bình 4,92 tấn/ha, thấp hơn 0,31 tấn/ha so với cùng kỳ, sản lượng 376.909 tấn.

+ Vụ Thu Đông - Mùa: Xuống giống 14.692 ha, nâng tổng diện tích xuống giống vụ này đến nay 64.054 ha (cây lúa mùa 1.185 ha), thu hoạch 220 ha, nâng tổng diện tích thu hoạch đến nay 915 ha, năng suất trung bình 4,42 tấn/ha; thực hiện 08 mô hình cánh đồng lớn với diện tích 1.943ha, lúa đang giai đoạn đòng-trở. Diện tích lúa nhiễm sâu bệnh 3.205 ha (tăng 2.178 ha so tháng trước), chủ yếu là bệnh đạo ôn lá 2.056 ha (tăng 1.156 ha), tỷ lệ nhiễm 5-10%, ở các huyện Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang; bệnh bạc lá 494 ha, tỷ lệ 5-10% tại huyện Tiểu Cần; bệnh lem lép hạt 430 ha, tỷ lệ 5-10% tại huyện Càng Long.

+ Vụ Đông Xuân: Xuống giống 10.057 ha tại huyện Càng Long, Trà Cú; thực hiện 06 mô hình cánh đồng lớn với diện tích 1.268 ha ở huyện Châu Thành và Trà Cú, hiện lúa đang phát triển tốt (giai đoạn mạ 668 ha, đẻ nhánh 600 ha).

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng được 3.989 ha, nâng tổng diện tích đến nay 51.460 ha, đạt 89,8% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 3.380 ha, trong đó: Màu lương thực 6.852 ha, màu thực phẩm 28.265 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 16.343 ha. Triển khai thực hiện 3 mô hình cánh đồng lớn sản xuất mía với diện tích 64,65 ha/91 hộ, trong đó tiếp tục duy trì 02 mô hình ở huyện Trà Cú và phát triển mới 01 mô hình ở huyện Tiểu Cần, mía đang sinh trưởng phát triển tốt.

- Cây ăn trái: Tiếp tục theo dõi 3 mô hình quản lý chồi rồng hại nhãn, nhãn đang giai đoạn trổ bông và mang trái, tỷ lệ bệnh phổ biến từ 5-10%; đồng thời, triển khai thực hiện mô hình khắc phục thiệt hại thiên tai xâm nhập mặn trên cây chôm chôm ở ấp Tân Qui 1, 2 xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè đã phun thuốc kích thích ra rễ và tưới phân theo đúng quy trình đang xử lý ra hoa, cây ăn trái đang phục hồi và phát triển tốt; đồng thời, hướng dẫn nông dân cách phòng trị sâu bệnh gây hại trên cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày.

- Tiếp tục tổ chức các cuộc tập huấn, hội thảo, phân công cán bộ kỹ thuật thăm đồng và tư vấn trực tiếp cho người dân sản xuất để thông tin về tình hình và các biện pháp phòng trừ dịch bệnh, kỹ thuật canh tác lúa cho gần 6.500 lượt nông dân.

#### **b) Chăn nuôi, thú y:**

- Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm tiếp tục được kiểm soát tạo điều kiện chăn nuôi phát triển.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng, chống bệnh trên đàn gia súc, gia cầm: Tiêm phòng cúm được 460.099 con gia cầm, phòng LMLM 229 con gia súc, tiêm phòng các loại bệnh thường xuyên 68.620 con gia súc; tiêm phòng đại chó, mèo 741 con. Lũy kế đến nay, tiêm phòng cúm 3.486.719 con gia cầm, đạt 106% so diện tiêm (chiếm 86% tổng đàn); tiêm phòng LMLM 38.291 con gia súc, đạt 46% so diện tiêm; tiêm phòng các loại bệnh thường xuyên 1.131.670 con gia súc (dịch tả 392.606 con, tụ huyết trùng 367.386 con, phó thương hàn 371.678 con); tiêm phòng đại chó, mèo 3.062 con.

- Kiểm dịch động vật xuất, nhập tỉnh 20.831 con gia súc, 180.425 con gia cầm và 81 tấn sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ 07 lượt cơ sở. Lũy kế đến nay kiểm dịch 265.634 con gia súc, 2,3 triệu con gia cầm, 23,9 triệu quả trứng và 01 ngàn tấn sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ 1.048 lượt cơ sở giết mổ, phát hiện 22 trường hợp vi phạm (lưu thông, mua bán thịt không có dấu kiểm soát giết mổ).

- Các địa phương tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định 50/2014/QĐ-TTg, trong tháng đã hỗ trợ xây dựng 186 công trình khí sinh học, mua 16 con bò đực giống và gieo tinh nhân tạo 89 con bò sử dụng 198 liều tinh, hỗ trợ mua 01 bình Nitơ. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay đã hỗ trợ xây dựng 2.389 công trình khí sinh học, 01 đệm lót sinh học, đào tạo 24 kỹ thuật viên gieo tinh nhân tạo, mua 29 con bò đực giống và gieo tinh nhân tạo 457 con bò/481 liều tinh, hỗ trợ mua 04 bình Nitơ.

- Phối hợp với địa phương tổ chức 13 lớp tập huấn cho 421 lượt người và 09 cuộc tuyên truyền không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi cho 321 lượt người

chăn nuôi. Lũy kế đến nay đã tổ chức 30 lớp tập huấn cho 798 lượt người và 09 cuộc tuyên truyền không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi cho 321 lượt người.

**c) Lâm nghiệp:**

- Nghiệm thu phúc tra công trình trồng, chăm sóc rừng năm 2016 của Công ty TNHH DV-TM Mùa Vàng với diện tích trồng 90 ha, chăm sóc 323,5 ha, đạt 100% kế hoạch. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay đã nghiệm thu các công trình trồng và chăm sóc rừng trên địa bàn tỉnh được 220 ha rừng trồng, chăm sóc 338,5ha. Tiến hành kiểm tra và vận động hộ dân nhận trồng cây phân tán chăm sóc tốt số cây trồng tạo điều kiện cây phát triển tốt.

- Tổ chức 83 lượt tuần tra bảo vệ rừng, xử lý 01 trường hợp vi phạm, nâng tổng số đến nay tổ chức 896 lượt, phát hiện 18 trường hợp vi phạm làm thiệt hại 3.927 m<sup>2</sup> rừng và 26,67 m<sup>3</sup> gỗ, đã tiến hành xử lý theo quy định.

- Hoàn thành công tác khai thác tận thu gỗ đước chết tại Khu bảo tồn hệ sinh thái rừng ngập mặn xã Long Khánh; tổ chức bán đấu giá sản phẩm gỗ phi lao, gỗ bần, đước thiệt hại tại xã Đông Hải, xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải để trồng lại rừng và thi công dự án thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản.

- Tổ chức 01 lớp tuyên truyền phổ biến pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cho 30 hộ dân sống tiếp giáp với rừng tại thị trấn Mỹ Long huyện Cầu Ngang. Nâng tổng số đã tổ chức 22 cuộc tuyên truyền phổ biến pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cho 686 hộ; kiểm tra diện tích rừng sạt lở do triều cường tại ấp Hồ Tàu, xã Đông Hải làm thiệt hại 43 cây Phi lao với diện tích sạt lở 129 m<sup>2</sup>.

**d) Thủy sản:** Sản lượng thu hoạch trong tháng 15.185 tấn, tăng 1.267 tấn so với cùng kỳ. Nâng tổng đến nay đã thu hoạch được 155.541 tấn (đạt 85,9% kế hoạch), tăng 4.380 tấn so với cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi trồng thủy sản: Diện tích thả nuôi 571 ha (tăng 269 ha), thu hoạch 9.423 tấn (tăng 729 tấn). Nâng tổng diện tích thả nuôi đến nay 42.623 ha, đạt 99,82% kế hoạch, thu hoạch 93.988 tấn, đạt 92,87% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 8.678 tấn, cụ thể:

+ Vùng nước mặn, lợ: Diện tích thả nuôi 398 ha (tăng 337 ha), thu hoạch 4.232 tấn (giảm 274 tấn). Lũy kế đến nay thả nuôi 39.164 ha (tăng 744 ha), tập trung các đối tượng nuôi chủ yếu như: Tôm sú thả nuôi 1,8 tỷ con giống (18.565 ha), tôm thẻ chân trắng thả nuôi 2,92 tỷ con giống (6.081 ha), cua biển 200 triệu con (14.193 ha). Thu hoạch 46.198 tấn, cao hơn cùng kỳ 1.297 tấn, gồm tôm sú 12.898 tấn, tôm thẻ chân trắng 24.371 tấn, cua biển 7.052 tấn, còn lại là các loại thủy sản khác. Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, môi trường ao nuôi biến động làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, gây bệnh hoại tử gan tụy và bệnh đốm trắng làm thiệt hại 01 triệu con tôm sú giống, 15,9 triệu con tôm thẻ chân trắng. Lũy kế đến nay thiệt hại 406 triệu con tôm sú giống (chiếm 22,5%), 574 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 19,6%).

+ Vùng nước ngọt: Diện tích thả nuôi 173 ha (giảm 69 ha), thu hoạch 5.190 tấn (tăng 1.002 tấn). Lũy kế đến nay thả nuôi 3.459 ha, giảm 462 ha so với cùng kỳ (cá lóc 304 ha, tôm càng xanh 955 ha, còn lại chủ yếu là cá các loại); thu hoạch

47.790 tấn (tăng 7.381 tấn so với cùng kỳ), gồm: Cá lóc 24.579 tấn, cá tra 10.406 tấn, tôm càng xanh 371 tấn, còn lại là các loại khác.

- Khai thác: Tình hình thời tiết trên ngư trường ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân yên tâm ra khơi đánh bắt. Trong tháng, sản lượng khai thác được 5.762 tấn, tăng 538 tấn so cùng kỳ. Nâng tổng sản lượng khai thác đến nay 61.552 tấn (10.453 tấn tôm) đạt 77% kế hoạch, giảm 4.300 tấn so cùng kỳ, gồm: Khai thác nội đồng 9.135 tấn (3.252 tấn tôm), khai thác hải sản 52.417 tấn (7.201 tấn tôm).

- Tình hình thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 1.524 tấn thủy sản (tôm sú 101 tấn, tôm thẻ 661 tấn), chế biến 901 tấn, tiêu thụ 875 tấn, kim ngạch xuất khẩu trên 6,5 triệu USD. Nâng tổng số đến nay các doanh nghiệp thu mua 12.607 tấn (tôm sú 983 tấn, tôm thẻ 5.368 tấn), chế biến 7.093 tấn, tiêu thụ 5.734 tấn, kim ngạch xuất khẩu 38 triệu USD.

- Tiếp tục thực hiện công tác tư vấn và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, khuyến cáo người dân thả nuôi rải vụ, tăng cường công tác phòng chống và giám sát dịch bệnh góp phần kiểm soát được các dịch bệnh nguy hiểm trong nuôi trồng thủy sản. Kiểm dịch 1,28 tỷ con tôm giống, cấp 377 giấy chứng nhận kiểm dịch; kiểm tra vệ sinh thú y 97 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, cấp 20 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y, 53 chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản; thực hiện 91 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 114 mẫu giáp xác, 51 mẫu bệnh phẩm, 98 mẫu nước ao nuôi phân tích phục vụ nuôi thủy sản.

#### ***e) Phát triển nông thôn:***

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác tuyên truyền: Tổ chức 437 cuộc lồng ghép tuyên truyền cho 20.956 lượt người. Nâng tổng số đến nay tổ chức 6.231 cuộc tuyên truyền có 326.189 lượt người tham dự, các nội dung tuyên truyền, vận động như: Khuyến cáo người dân tham gia bảo hiểm y tế, xây dựng hồ xí hợp vệ sinh, trồng cây xanh làm hàng rào, làm cột cờ kết hợp với đèn chiếu sáng,...

+ Các xã đã công nhận 3.390 hộ đạt tiêu chuẩn hộ nông thôn mới, cấp huyện công nhận 03 ấp đạt chuẩn nông thôn mới. Nâng tổng số đến nay trên địa bàn tỉnh có 121.763 hộ đạt chuẩn hộ nông thôn mới, chiếm 54,5% trên tổng số hộ phát động; 173 ấp đạt ấp nông thôn mới, chiếm 25,2% trong tổng số ấp.

+ Triển khai thực hiện nguồn vốn đầu tư của Chương trình phân bổ 139,2 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương 93,6 tỷ đồng (trái phiếu Chính phủ 60 tỷ đồng, Chương trình nông thôn mới 33,6 tỷ đồng), ngân sách tỉnh 45,6 tỷ đồng, đầu tư xây dựng 43 công trình giao thông nông thôn với chiều dài 26.950 m, 03 công trình trường học, 08 công trình cơ sở vật chất văn hóa; thực hiện 34 dự án trên địa bàn 28 xã đầu tư cho 850 hộ (chủ yếu là hộ nghèo) để thực hiện các mô hình như: nuôi gà, bò sinh sản, vỗ béo, nuôi heo, dê, cá tai tượng, hào và trồng nấm bào ngư.

+ Đến nay, có 24 xã đạt 19 tiêu chí; 07 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí; 54 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí. Số tiêu chí nông thôn mới bình quân trên xã đạt được đến nay là 13,8 tiêu chí.

- Chương trình bố trí dân cư:

+ Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông, huyện Tiểu Cần: Trình xin gia hạn thời gian thi công, tổ chức lập và phát hành hồ sơ chỉ định thầu kè bờ bên phải; kiểm tra tiến độ thi công hạng mục kè bờ bên trái với chiều dài 515,19 m đạt 80% khối lượng.

+ Dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa: Trình UBND tỉnh xin chủ trương điều chỉnh dự toán hạng mục đường đan giao thông liên ấp; trình Sở Xây dựng thẩm định thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục đường giao thông liên ấp và đóng góp ý kiến về phương án thay đổi thiết kế bản vẽ thi công hạng mục đường đan giao thông liên ấp, phương án điều chỉnh.

+ Dự án di dân sạt lở xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải: Đang trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tập trung thực hiện công tác quyết toán các dự án hoàn thành năm 2016, giải ngân vốn đầu tư phát triển được 10,74 tỷ đồng, vượt 79% kế hoạch. Vốn sự nghiệp giải ngân 30 triệu đồng, nâng tổng số đến nay giải ngân được gần 04 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch. Trong tháng, lắp đặt cho 594 hộ sử dụng nước máy, lũy kế đến nay đã lắp đặt cho 93.239 hộ (tăng 13.778 hộ so với đầu năm).

## **2. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành**

### **a) Công tác quy hoạch:**

- Trình UBND tỉnh dự thảo 04 Nghị quyết thông qua Hội đồng nhân dân trong kỳ họp cuối năm 2016, gồm: Rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành; quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung; quy hoạch chi tiết nuôi, chế biến cá tra; và điều chỉnh bổ sung Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020 và Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh.

- Xét thầu chọn đơn vị tư vấn lập Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Xét hồ sơ năng lực chọn đơn vị tư vấn rà soát, điều chỉnh, bổ sung 02 quy hoạch, gồm: Quy hoạch vùng nguyên liệu mía và Quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi các khu vực chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Trình UBND tỉnh cho chủ trương rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cung cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức lấy ý kiến góp ý đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện Dự án rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**b) Tham mưu xây dựng, ban hành văn bản:** Tham mưu xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt: Kế hoạch phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi năm 2017; Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 – 2020 và mức thiệt hại của các hộ dân ở xã

Dân Thành, thị xã Duyên Hải do thực hiện công trình Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (bổ sung) và Quyết định của UBND tỉnh thay thế Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 và Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 26/8/2015.

**c) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:**

- Đến nay thực hiện 919 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 664.934 m, khối lượng 1,99 triệu m<sup>3</sup>, vượt 31% kế hoạch cả năm.

- Tham gia nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng 06 công trình thủy lợi; tổng hợp báo cáo tổng kết tình hình thực hiện thủy lợi nội đồng năm 2016 và xây dựng kế hoạch thủy lợi nội đồng năm 2017.

- Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong công tác sử dụng hành lang bảo vệ đê điều tại các tuyến đê Hồ Tàu – Đông Hải, Hồ Tàu - Ông Năm, Giồng Bàng; kiểm tra tình hình sạt lở bờ biển khu vực xã Hiệp Thạnh và sạt lở tuyến đê Mỹ Long; tình trạng sụp lún các công phục vụ nuôi trồng thủy sản áp 17 xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải.

- Kết hợp địa phương xử lý các trường hợp xây dựng liều, quán trong hành lang bảo vệ kè Cồn Trứng, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải. Tổ chức 11 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 03 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê. Nâng tổng số đến nay tổ chức 158 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 33 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định và buộc khôi phục lại hiện trạng.

- Trong tháng, triều cường dâng cao làm sạt lở đoạn bờ biển với chiều dài 20m ăn sâu vào bờ 1,5m tại đoạn khóa đầu kè Hiệp Thạnh thị xã Duyên Hải và làm sạt lở 700m ăn sâu từ 1 đến 1,2m tại bờ bao Cồn Nhàn thuộc huyện Duyên Hải, các đoạn sạt lở chưa gây thiệt hại đến tình hình sản xuất của người dân.

**d) Công tác xây dựng cơ bản:** Tiếp tục theo dõi tình hình triển khai thực hiện của 21 dự án (04 dự án khởi công mới, 17 dự án chuyển tiếp), gồm: 08 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 08 công trình đê, kè; 05 công trình dân dụng, đã giải ngân 239,8 tỷ đồng đạt 51,5% kế hoạch (bổ sung vốn). Đồng thời, thi công các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí năm 2016 và công trình khắc phục hậu quả hạn hán do xâm nhập mặn vụ Đông Xuân năm 2015-2016, đạt 100% kế hoạch.

**e) Công tác đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất:**

- Trình xin chủ trương UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định 445/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Thí Điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020”.

- Tổng hợp báo cáo tiến độ triển khai thực hiện, nhu cầu đào tạo bồi dưỡng theo Quyết định 445/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ gửi Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.

- Rà soát, hỗ trợ các HTX nâng cao các tiêu chí, theo dõi việc thực hiện kế hoạch hỗ trợ các HTX đã ban hành.

- Hoàn thành Kế hoạch thực hiện Đề án thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**f) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) và quản lý tàu cá:**

- Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, VSATTP: Thanh tra an toàn thực phẩm 18 cơ sở sản xuất, kinh doanh; kiểm tra, đánh giá 34 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông - lâm - thủy sản, kết quả xếp loại có 27 loại A, 07 loại B; cấp 08 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 72 mẫu (35 mẫu nông sản, 37 mẫu thủy sản). Nâng tổng số đến nay thanh tra an toàn thực phẩm 119 cơ sở kinh doanh thực phẩm, xay xát lúa gạo, kết quả các cơ sở đều sai phạm do không có giấy xác nhận kiến thức về ATTP, giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP, giấy khám sức khỏe, chưa trang bị bảo hộ lao động; kiểm tra, đánh giá 246 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản, kết quả xếp loại có 198 loại A, 47 loại B, 01 loại C; cấp 110 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 717 mẫu (252 mẫu nông sản, 410 mẫu thủy sản, 55 mẫu nước tiểu heo thịt).

- Quản lý tàu cá, cảng cá:

+ Kiểm tra an toàn kỹ thuật 46 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 10 tàu, đăng ký 11 tàu, xóa bộ 04 tàu, cấp 18 sổ danh bạ (86 thuyền viên), cấp 38 giấy phép khai thác thủy sản, 243 giấy xác nhận, chứng nhận thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU. Nâng tổng số đến nay kiểm tra an toàn kỹ thuật 545 tàu cá (16 tàu ngoài tỉnh), cấp văn bản đóng mới, cải hoán 154 tàu, đăng ký 175 tàu, xóa bộ 22 tàu, cấp 220 sổ danh bạ (969 thuyền viên), cấp 438 giấy phép khai thác thủy sản, 1.480 giấy xác nhận, chứng nhận thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.204 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 102.630 CV (236 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

+ Tổ chức thu phí 683 tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 842 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 95 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay tổ chức thu phí 7.120 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 9.623 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 806 triệu đồng.

- Công tác tuyên truyền pháp luật và thanh tra, kiểm tra:

+ Tuyên truyền pháp luật: Đến nay tổ chức 247 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, các quy định về nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP, quy định về an toàn thực phẩm nông, thủy sản, kinh doanh thuốc thú y thủy sản, thức ăn thủy sản, giống thủy sản cho 6.960 lượt người.

+ Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và quản lý tàu cá đối với 38 cơ sở sản xuất cá khô, 11 tàu cá; thu, phân tích 29 mẫu; xử lý 04 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay tổ chức thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân và phương tiện khai thác thủy sản về việc chấp hành các quy định

của pháp luật đối với 526 lượt tàu cá, 121 lượt phương tiện vận chuyển giống thủy sản, 263 cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; thu 194 mẫu thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc BVTV, phân bón, sản phẩm động vật, nguyên liệu thủy sản để kiểm tra chất lượng; xử lý vi phạm 81 trường hợp.

**g) Công tác phát triển khoa học công nghệ, khuyến nông và công tác giống:**

- Phối hợp với Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long tổ chức trình diễn các bộ giống lúa mới gồm 18 giống với diện tích 01 ha tại xã Bình Phú huyện Càng Long và khảo nghiệm 3 bộ giống lúa (bộ phẩm chất, bộ triển vọng và bộ Trà Vinh) diện tích 0,2 ha vụ Đông Xuân. Khảo nghiệm 0,7 ha giống bưởi da xanh xen dừa tại xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần. Nhân giống lúa OM4900 nguyên chủng vụ Thu Đông diện tích 30 ha tại xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải; nhân giống bưởi da xanh 10 ha tại các huyện Trà Cú và thành phố Trà Vinh, hiện đang hướng dẫn hộ dân chăm sóc cây con.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản, quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt VietGAP cho 1.715 lượt người; phân công cán bộ kỹ thuật xuống địa bàn các huyện, thị xã và thành phố trực tiếp tư vấn cho 332 hộ. Nâng tổng số đến nay tổ chức 445 lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản, thực hành nuôi trồng thủy sản tốt VietGAP cho 12.817 lượt người (147 lớp trồng trọt 4.413 người; 78 lớp chăn nuôi 2.174 người; 152 lớp thủy sản 4.304 người, 59 lớp thực hành nuôi trồng thủy sản VietGAP 1.605 người, 09 cuộc tuyên truyền không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi 321 người), phân công cán bộ kỹ thuật xuống địa bàn các huyện, thị xã, thành phố trực tiếp tư vấn cho 5.200 lượt hộ. Cấp phát 150 sổ tay khuyến nông - khuyến ngư, 100 quyển tài liệu kỹ thuật, cấp phát 01 ngàn tờ tin khuyến nông, 37 ngàn tờ tài liệu bướm các loại.

- Kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện 03 bản tin thời sự. Nâng tổng số đến nay thực hiện 12 bản tin thời sự, 01 chuyên mục, 04 cuộc phóng sự, 03 cuộc tọa đàm và 01 chuyên đề.

- Tổ chức 03 cuộc hội thảo mô hình nuôi tôm sú kết hợp cá rô phi, nuôi tôm sú theo VietGAP, nuôi cá kèo luân canh trong ao tôm sú tại xã Đôn Châu, Long Vĩnh huyện Duyên Hải và Phường 1 Thị xã Duyên Hải cho 132 lượt người tham dự. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức được 12 cuộc hội thảo cho 712 lượt người tham dự.

- Tiếp tục theo dõi 06 mô hình trình diễn đang thực hiện, gồm: Sản xuất lúa lai thương phẩm, trồng bắp chuyển đổi gen, mô hình cải tạo đàn dê bằng phương pháp gieo tinh nhân tạo, chăn nuôi gà sinh sản theo hướng an toàn sinh học, nuôi cá kèo luân canh trong ao tôm, nuôi tôm càng xanh toàn đực.

- Kết hợp dự án AMD: Thực hiện 10 mô hình, gồm: Mô hình trồng thâm canh cây gấc, trồng đậu phộng trong mùa mưa sử dụng phân hữu cơ vi sinh, trồng thanh long trên vùng sinh thái khác, nuôi cá thác lác cườm kết hợp cá sặc rằn trong ao, nuôi sò huyết trong ao nuôi tôm quảng canh cải tiến, nuôi tôm – cua – vọt kết



hợp trồng rừng, nuôi tôm sú theo VietGAP, tôm nuôi tôm sú kết hợp cá rô phi, nuôi tôm càng xanh luân canh trong ao tôm sú, nuôi tôm càng xanh nước lợ.

- Công tác giống:

+ Giống cây trồng: Vụ Đông Xuân sản xuất 10,8 ha giống lúa OM 5451 cấp xác nhận 1. Cung ứng 29,5 tấn lúa giống, 222 cây giống các loại, nâng tổng số đến nay cung ứng 162,5 tấn lúa giống (12,2 tấn nguyên chủng) và 8.340 cây giống các loại.

+ Giống vật nuôi: Thực hiện 02 mô hình nhân giống gà tàu vàng sinh sản với 394 con gà mái tại 02 xã Đại Phước và Phương Thạnh, huyện Càng Long, hiện gà trên 7 tháng tuổi đang giai đoạn đẻ trứng.

+ Giống thủy sản: Tổ chức 04 lớp tập huấn kỹ thuật trong chọn và thuần dưỡng một số đối tượng giống thủy sản nước lợ cho 117 người tham dự. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay được 8 lớp tập huấn đạt 100% kế hoạch năm. Sản xuất, cung ứng cho người nuôi được 0,17 triệu con post tôm càng xanh. Nâng tổng số đến nay sản xuất, cung ứng, giới thiệu địa chỉ uy tín cho người nuôi được 11,6 triệu con post tôm sú, 11 triệu con tôm thẻ chân trắng, 5,33 triệu con tôm càng xanh, 1,5 triệu con cua biển, 2 tấn cá giống các loại và 0,5 triệu con giống cá lóc.

**h) Công tác khác:**

- Đề nghị Sở Tài chính trình UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh đến năm 2017.

- Báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 60/BC-HĐND ngày 18/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát tình hình triển khai, thực hiện chính sách hỗ trợ giống cây trồng, giống thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiên tai xâm nhập mặn vụ Đông Xuân 2015-2016 và Quyết định số 15/20115/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 của UBND tỉnh.

- Báo cáo trả lời kiến nghị của cử tri trước kỳ họp thứ 2 - Quốc hội khoá XIV.

## **II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

**1. Tồn tại, hạn chế:** Bên cạnh một số kết quả đạt được như trên, ngành nông nghiệp vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Một số địa phương diện tích hoa màu, cây ăn trái, thủy sản bị ngập úng cục bộ làm thiệt hại và ảnh hưởng đến sản lượng thu hoạch; diện tích gieo sạ lúa Thu đông – Mùa giảm đáng kể so với cùng kỳ (giảm 23.686 ha).

- Bệnh gan tụy và bệnh phân trắng trong nuôi tôm sú và tôm thẻ chân trắng còn xảy ra ở một vài nơi.

- Giá cả nông sản tuy có ổn định nhưng còn ở mức thấp nông dân sản xuất không có lợi nhuận cao.

- Một số địa phương triển khai thực hiện chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, xây dựng các công trình cơ bản và hỗ trợ sản xuất còn chậm chưa đạt kế hoạch đề ra.

## **2. Nguyên nhân:**

- Do mưa lớn, triều cường dâng cao gây ngập úng ở một số địa phương.
- Một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến việc triển khai thực hiện một số chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.
- Chi phí nhân công lao động và nhiên liệu tăng làm ảnh hưởng đến thu nhập của ngư dân nên một số tàu khai thác hạn chế ra khơi dẫn đến sản lượng khai thác giảm so với tháng trước.
- Một số địa phương chưa thật sự quan tâm đến việc triển khai thực hiện các chính sách.

## **III. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG 12**

### **1. Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn**

#### ***a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật:***

- Xây dựng các điểm dự tính dự báo sâu bệnh vụ Đông Xuân 2016 - 2017; theo dõi tình hình sinh trưởng, phát triển lúa Thu Đông - mùa, thống kê diện tích xuống giống lúa Đông Xuân 2016 - 2017; thường xuyên kiểm tra đồng ruộng để hướng dẫn nông dân phòng trị kịp thời các loại sâu bệnh gây hại, đặc biệt là hướng dẫn nông dân phòng, trị bệnh đạo ôn, rầy nâu, cháy lá trên lúa Thu đông - mùa giai đoạn đòng, trổ. Tổ chức tổng kết mô hình cánh đồng lớn vụ Thu Đông trên địa bàn xã Thanh Mỹ và xã Nguyệt Hóa của huyện Châu Thành, mô hình trình diễn giống lúa lai trên địa bàn xã Mỹ Hòa huyện Cầu Ngang.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Hướng dẫn nông dân chăm sóc, phòng trị các loại sâu bệnh gây hại; kết hợp địa phương thống kê diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây màu năm 2016, triển khai kế hoạch trồng màu vụ Đông Xuân năm 2017 đặc biệt là diện tích màu phục vụ Tết Nguyên đán 2017.

***b) Chăn nuôi, thú y:*** Tập trung chỉ đạo công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi trong tháng cuối năm; tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình chăn nuôi tại các địa phương; thực hiện kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, vận chuyển gia súc, gia cầm; tiếp tục khuyến cáo người chăn nuôi thực hiện tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm để hạn chế dịch bệnh xảy ra; tổ chức tập huấn, tuyên truyền cam kết không sử dụng chất cấm, cam kết tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm.

***c) Lâm nghiệp:*** Thực hiện công tác nghiệm thu cơ sở và phúc tra công trình trồng rừng, phúc tra công trình chăm sóc, bảo vệ và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Tiếp tục kiểm tra công tác gieo ươm cây giống phục vụ kế hoạch trồng rừng năm 2017; vận động các hộ dân nhận khoán trồng cây lâm nghiệp phân tán trên địa bàn tỉnh chăm sóc, quản lý và trồng dặm đảm bảo tỷ lệ sống theo quy định; tổ chức tuyên truyền pháp luật về quản lý, bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng đến người dân sống tiếp giáp với rừng.

***d) Thủy sản:*** Kết hợp các địa phương theo dõi tình hình thu hoạch các loại thủy sản thả nuôi, nhất là tôm sú, tôm thẻ, cá lóc, cá tra; hướng dẫn nông dân chăm sóc diện tích thả nuôi còn lại của năm 2016; tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật nuôi tôm sú, tôm thẻ và khuyến cáo người dân nuôi thủy sản theo lịch thời vụ

vụ nuôi 2016 - 2017; quản lý chặt chẽ tình hình kinh doanh vật tư đầu vào dùng trong nuôi thủy sản và kiểm dịch giống xuất nhập tỉnh; xúc tiến mời gọi doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất giống trên địa bàn tỉnh; kiểm tra điều kiện VSATTP đối với tàu cá, các cơ sở thu mua, sơ chế, bảo quản nguyên liệu thủy sản; tổ chức các cuộc tuyên truyền về Luật thủy sản, khai thác bảo vệ nguồn lợi thủy sản và tập huấn quy trình nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP); thực hiện quan trắc, cảnh báo môi trường và thu mẫu giáp xác tại các tuyến sông đầu nguồn phục vụ nuôi thủy sản; hướng dẫn ngư dân trang bị đầy đủ các phương tiện cho tàu khai thác trước khi ra khơi. Tổ chức hội nghị tổng kết nuôi trồng thủy sản vùng ngập mặn năm 2016 và triển khai kế hoạch 2017.

**e) Công tác nông thôn mới:** Phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 02 phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Kiểm tra, đôn đốc thực hiện giải ngân các nguồn vốn xây dựng nông thôn mới được hỗ trợ năm 2016; triển khai tập huấn các chuyên đề về xây dựng nông thôn mới năm 2016. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thi công, báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất thi công kè bờ phải chiều dài 659 m, kiểm tra tiến độ thi công kè bờ trái chiều dài 515,96 m thuộc Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông bảo vệ 89 hộ dân khu vực thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần. Trình UBND tỉnh điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công, dự toán hạng mục Đường giao thông liên ấp, điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, lập hồ sơ mời thầu, đăng tải thông báo mời thầu, tổ chức đấu thầu hạng mục Đường đan giao thông liên ấp, báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu thi công thuộc Dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành.

## **2. Công tác chuyên ngành:**

- Hoàn chỉnh Báo cáo tổng kết công tác năm 2016 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2017 của ngành.

- Tham mưu xây dựng và tổ chức lấy ý kiến dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành giá dịch vụ sử dụng cảng áp dụng tại Cảng cá Láng Chim, huyện Duyên Hải và Cảng cá Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Phối hợp với đơn vị tư vấn thu thập thông tin, khảo sát đề xây dựng đề án và các báo cáo quy hoạch, gồm: Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh; Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch vùng nguyên liệu mía và Quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi các khu vực chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo cán bộ kỹ thuật tiếp tục xuống địa bàn các huyện, thành phố và thị xã tư vấn về kỹ thuật sản xuất trực tiếp cho các hộ dân; tổ chức hội thảo, tổng kết 06 mô hình thuộc nguồn vốn sự nghiệp của ngành và 10 mô hình kết hợp Dự án AMD đang triển khai thực hiện.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền hướng dẫn công tác quản lý chất lượng và phổ biến các quy định về an toàn thực phẩm nông sản, thủy sản cho các cán bộ quản lý tại địa phương hộ sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng; tiếp nhận và hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản; đánh giá, chứng nhận VietGAP rau,

củ, quả tại ấp Tha La, xã Ngọc Biên huyện Trà Cú; thu mẫu kiểm soát ATVS vùng thu hoạch nhuyễn thể 2 mảnh vỏ, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông sản, thủy sản. Đồng thời, tổ chức xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản, thủy sản đã đăng ký.

- Tổ chức các cuộc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khai thác thủy sản, quản lý tàu cá, kinh doanh vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm.

- Tăng cường phối hợp với các địa phương triển khai thực hiện các chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg, chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP.

- Tiếp tục theo dõi, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê biển kịp thời báo cáo, kiến nghị cấp trên xử lý những vụ vi phạm pháp luật về đê điều; theo dõi diễn biến tình hình bão, triều cường, đề xuất tham mưu xử lý kịp thời khi có tình huống.

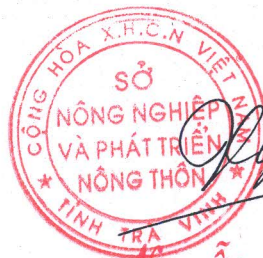
- Tiếp tục quản lý, theo dõi các hạng mục công trình thủy lợi của ngành đang triển khai thực hiện.

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT, thủ trưởng các phòng, đơn vị trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN-PTNT các huyện;
- Phòng Kinh tế thành phố, thị xã;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Ngọc Hải*

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN  
11 THÁNG NĂM 2016

STT	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2016	Thực hiện tháng 11	Ước TH 11 tháng năm 2016	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2		3	4=3/1	5=3/2
<b>A</b>	<b>SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP</b>							
<b>I.</b>	<b>TRỒNG TRỌT</b>							
<b>1</b>	<b>Cây hàng năm</b>							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	222.343	262.330	28.737	203.290	91,43%	77,49%
	Cây lương thực có hạt	Ha	173.009	211.000	25.160	156.188	90,28%	74,02%
<b>1.1</b>	<b>Cây lúa</b>	Ha	167.503	205.000	24.749	151.830	90,64%	74,06%
	<b>Vụ Hè Thu</b>							
	- DT gieo sạ	Ha	79.224	78.000		77.719	98,10%	99,64%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	77.988,26	78.000	6.574	76.630	98,26%	98,24%
	- Năng suất	Tạ/ha	52,32	53,50	41,9	49,2	94,00%	91,94%
	- Sản lượng	tấn	408.065,25	417.300	27.515	376.909	92,36%	90,32%
	<b>Vụ Thu Đông-mùa 2016-2017</b>							
	- DT gieo sạ	Ha	87.740	55.000	14.692	64.053,71	73,00%	116,46%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	13.555	55.000	220	915	6,75%	1,66%
	- Năng suất	Tạ/ha	51,81	54,20	4,50	4,42	8,54%	8,16%
	- Sản lượng	tấn	70.232,98	298.100	990	4.048	5,76%	1,36%
	<b>Vụ Thu Đông Xuân 2017</b>							
	- DT gieo sạ	Ha	539	72.000	10.057	10.057,00	1866%	13,97%
	- Diện tích thu hoạch	Ha		72.000				0,00%
	- Năng suất	Tạ/ha		67,00				0,00%
	- Sản lượng	tấn		482.400				0,00%
<b>1.2</b>	<b>Cây màu</b>	Ha	54.840	57.330	3.989	51.460	93,84%	89,76%
<b>1.2.1</b>	<b>Màu lương thực</b>	Ha	8.414	9.350	517	6.852	81,43%	73,28%
	<b>Cây bắp</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	5.506	6.000	411	4.357	79,14%	72,62%
	- Diện tích thu hoạch	"	4.171	6.000	280	3.806	91,25%	63,43%
	- Năng suất	Tạ/ha	56,72	52,00	48,54	53,60	94,50%	103,08%
	- Sản lượng	Tấn	23.658	31.200	1.359	20.400	86,23%	65,39%
	<b>Khoai lang</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.353	1.550	50	1.138,60	84,14%	73,46%
	+ Diện tích thu hoạch	"	933	1.550	94,28	1.012,80	108,58%	65,34%
	+ Năng suất	Tạ/ha	173,09	159,70	163,46	173,20	100,06%	108,45%
	+ Sản lượng	Tấn	16.146	24.754	1.541	17.542	108,65%	70,86%
	<b>Sắn</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.013	1.150	34,00	881,50	87,01%	76,65%
	+ Diện tích thu hoạch	"	618	1.150	37,00	741,60	119,91%	64,49%
	+ Năng suất	Tạ/ha	162,8	151,50	130,9	150,10	92,20%	99,07%
	+ Sản lượng	Tấn	10.069	17.423	484	11.131	110,56%	63,89%
	<b>Cây có củ khác</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	542	650	22	474,00	87,46%	72,92%
	+ Diện tích thu hoạch	"	404	650	19,60	401,60	99,41%	61,78%
<b>1.2.2</b>	<b>Cây thực phẩm</b>	Ha	30.151	31.830	2.044	28.265	93,74%	88,80%
	<b>Rau các loại</b>							
	+ DT gieo trồng	Ha	29.310	31.000	2.034	27.558	94,02%	88,90%
	+ Diện tích thu hoạch	"	23.529	31.000	1.318	23.186,00	98,54%	74,79%
	+ Năng suất	Tạ/ha	223	223,94	194,48	239,30	107,27%	106,86%
	+ Sản lượng	Tấn	524.897	694.200	25.633	554.841	105,70%	79,93%
	<b>Đậu các loại</b>							
	+ DT gieo trồng	Ha	842	830	10	707,20	84,03%	85,20%
	+ Diện tích thu hoạch	"	711	830	6	664,60	93,46%	80,07%

STT	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2016	Thực hiện tháng 11	Ước TH 11 tháng năm 2016	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Năng suất	Tạ/ha	17	17	15	15,29	91,01%	92,23%
	+ Sản lượng	Tấn	1.195	1.376	9	1.016	85,06%	73,85%
<b>1.2.3</b>	<b>Cây công nghiệp hàng năm</b>		<b>12.774</b>	<b>13.500</b>	<b>556</b>	<b>12.383</b>	<b>96,94%</b>	<b>91,73%</b>
	<b>Đậu phộng</b>	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.449	5.000	79	4.572	102,76%	91,44%
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.938	5.000	86	4.302,20	109,25%	86,04%
	+ Năng suất	Tạ/ha	53,2	53,00	59,88	52,76	99,11%	99,55%
	+ Sản lượng	Tấn	20.963	26.500	515	22.698,41	108,28%	85,65%
	<b>Mía</b>							
	+ Diện tích trồng	Ha	5.941	6.100	334	5.479	92,23%	89,82%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"	5.602	6.100	209	4.997	89,21%	81,92%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.093	1.100	998	1.050	96,09%	95,49%
	+ Sản lượng	Tấn	612.355	671.000	20.808	524.906	85,72%	78,23%
	<b>Cây lác (cói)</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.384	2.400	143	2.332	97,84%	97,17%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.628	2.400	106,2	1.713,0	105,22%	71,38%
	+ Năng suất	Tạ/ha	106,4	103,40	111,2	102,10	95,94%	98,74%
	+ Sản lượng	Tấn	17.325	24.816	1.181	17.490	100,95%	70,48%
<b>1.2.4</b>	<b>Cây trồng khác</b>	Ha	<b>3.501</b>	<b>2.650</b>	<b>872</b>	<b>3.960</b>	<b>113,11%</b>	<b>149,43%</b>
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.501	2.650	872	3.960	113,11%	149,43%
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.187	2.650	491	3.385	154,78%	127,74%
<b>2</b>	<b>Cây lâu năm</b>							
<b>II</b>	<b>CHĂN NUÔI</b>							
<b>B</b>	<b>LÂM NGHIỆP</b>							
<b>1.</b>	<b>Lâm sinh</b>							
<b>1.1.</b>	<b>DT rừng trồng tập trung</b>	Ha	<b>272</b>	<b>233</b>	<b>75</b>	<b>288</b>	<b>105,88%</b>	<b>123,61%</b>
	Trong đó:							
	- Rừng phòng hộ	"	272	233	75	288	105,88%	123,61%
<b>1.2.</b>	<b>DT rừng trồng được chăm sóc</b>	Ha	<b>274</b>	<b>340</b>	<b>-</b>	<b>338</b>		
<b>1.3.</b>	<b>DT khoanh nuôi tái sinh</b>	Ha	<b>25</b>					
<b>1.4.</b>	<b>DT giao khoán bảo vệ</b>	Ha	<b>4.943</b>	<b>4.971</b>	<b>-</b>	<b>5.066</b>	<b>102,48%</b>	<b>101,91%</b>
<b>1.5.</b>	<b>Số cây lâm nghiệp phân tán</b>	1000 cây	<b>91</b>	<b>50</b>	<b>-</b>	<b>50</b>	<b>54,95%</b>	<b>100,00%</b>
<b>2.</b>	<b>Khai thác</b>							
<b>C</b>	<b>DIỆM NGHIỆP</b>							
<b>D</b>	<b>THỦY SẢN</b>							
<b>D</b>	<b>THỦY SẢN</b>							
<b>1.</b>	<b>Tổng diện tích nuôi</b>	Ha	<b>42.342</b>	<b>42.700</b>	<b>571</b>	<b>42.623</b>	<b>100,67%</b>	<b>99,82%</b>
<b>1.1.</b>	<b>Nuôi nước ngọt</b>	"	<b>3.921</b>	<b>4.000</b>	<b>173</b>	<b>3.459</b>	<b>88,22%</b>	<b>86,48%</b>
	- Diện tích nuôi cá	"	2.660,02	2.500	172	2.504,39	94,15%	100,18%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	10,35	50	0	40	389,76%	80,68%
	Cá lóc	"	250,44	290	6	304	121,33%	104,78%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	1.261	1.500	1	955	75,72%	63,66%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	1.261	1.500	1	955	75,72%	63,66%
	- Diện tích nuôi khác	"	0					
<b>1.2.</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	Ha	<b>38.421</b>	<b>38.700</b>	<b>398</b>	<b>39.164</b>	<b>101,94%</b>	<b>101,20%</b>
	- Diện tích nuôi cá							
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...	"						
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	37.767	37.000	398	38.839	102,84%	104,97%
	Trong đó: + Tôm sú	"	20.429	19.000	17	18.565	90,88%	97,71%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	4.664	5.000	220	6.081	130,37%	121,62%
	+ Cua biển	"	12.673	13.000	162	14.193	111,99%	109,18%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết, cá nước lợ)	"	654	1.700	-	325	49,69%	19,12%
<b>2.</b>	<b>Thể tích nuôi lồng, bè</b>	m <sup>3</sup>						

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2016	Thực hiện tháng 11	Ước TH 11 tháng năm 2016	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
<b>3.</b>	<b>Sản lượng con giống sản xuất</b>	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
<b>4</b>	<b>Tổng sản lượng thủy sản</b>	Tấn	<b>151.161</b>	<b>181.000</b>	<b>15.185</b>	<b>155.541</b>	<b>102,90%</b>	<b>85,93%</b>
<b>4.1</b>	<b>Tổng sản lượng nuôi</b>	Tấn	<b>85.310</b>	<b>101.200</b>	<b>9.423</b>	<b>93.988</b>	<b>110,17%</b>	<b>92,87%</b>
<b>4.1.1</b>	<b>Nuôi nước ngọt</b>	Tấn	<b>40.409</b>	<b>55.500</b>	<b>5.190</b>	<b>47.790</b>	<b>118,27%</b>	<b>86,11%</b>
	- Sản lượng cá	"	40.049	55.000	5.177	47.418,53	118,40%	86,22%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	4.504	10.000	1.592	10.406	231,03%	104,06%
	Cá lóc	"	23.139	27.000	2.107	24.578,9	106,22%	91,03%
	- Sản lượng giáp xác	"	359	500	13	371,2	103,34%	74,24%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	359	500	13	371,2	103,34%	74,24%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
<b>4.1.2</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	Tấn	<b>44.901</b>	<b>45.700</b>	<b>4.232</b>	<b>46.198</b>	<b>102,89%</b>	<b>101,09%</b>
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...							
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	43.491	43.500	4.046,9	44.320,8	101,91%	101,89%
	Trong đó: + Tôm sú	"	13.955	14.500	1.672	12.897,7	92,43%	88,95%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	21.765	21.000	2.015,10	24.371,5	111,98%	116,05%
	+ Nuôi cua biển	"	7.772	8.000	360	7.051,7	90,73%	88,15%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	1.410	2.200	186	1.877,50	133,14%	85,34%
<b>4.2</b>	<b>Tổng sản lượng khai thác</b>	Tấn	<b>65.852</b>	<b>79.800</b>	<b>5.762</b>	<b>61.552</b>	<b>93,47%</b>	<b>77,13%</b>
<b>4.2.1</b>	<b>Khai thác biển</b>	Tấn	<b>55.760</b>	<b>65.900</b>	<b>4.856</b>	<b>52.417</b>	<b>94,00%</b>	<b>79,54%</b>
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	23.011	25.000	2.221	21.648	94,08%	86,59%
	Trong đó: - Loài ....	"						
	- ...	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	7.185	8.900	527	7.201,5	100,23%	80,92%
	Trong đó: - Tôm...	"	7.185					
	- ...	"						
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài ....	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	25.564	32.000	2.108	23.568,1	92,19%	73,65%
<b>4.2.2</b>	<b>Khai thác nội địa</b>	Tấn	<b>10.091</b>	<b>13.900</b>	<b>906,5</b>	<b>9.135,1</b>	<b>90,53%</b>	<b>65,72%</b>
	Trong đó: - Cá các loại	"	4.531	6.500	434	3.942,9	87,02%	60,66%
	- Tôm các loại	"	3.618	4.200	292	3.252	89,87%	77,43%
	- Nhuyễn thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Sản lượng thủy sản khác	"	1.942	3.200	180	1.940	99,93%	60,63%